

# VỀ CHIẾC VẠC ĐỒNG Ở CHÙA HỘI THƯỢNG

TRẦN VĂN DŨNG\*

## TÓM TẮT

*Định giá trị của thạp ở chùa Hội Thượng có so sánh với các thạp cùng thời tại Huế, bài viết mô tả về nguồn gốc, dáng hình (vại), nặng (317 cân), niên đại (1828). Điểm đáng quý của thạp này là ở ý thức bảo vệ của người dân qua những biến động của lịch sử.*

**Từ khóa:** vạc; minh văn; lạc khoản.

## ABSTRACT

*Evaluating the value of cauldron of Hội Thượng pagoda in comparison with other cauldrons at the same date in Hue city, the paper describes the origin, shape, weight (317 kg), date (1828). The most appreciated issue of the cauldron is the awareness of protection of people over the up and down of history.*

**Key words:** cauldron; pattern; donation.

**T**rong quá trình diễn dã, khảo cứu hệ giá trị các di sản văn hóa vật thể trên địa bàn làng Thượng An, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi đã phát hiện tại chùa Hội Thượng (còn gọi là Niệm Phật đường An Cát) đang lưu giữ một chiếc vạc đồng được đúc vào thời vua Minh Mạng (1820 - 1840). Về mặt hiện vật thì chiếc vạc đồng này được xem là một bảo vật của dân làng Thượng An, song về lai lịch xuất hiện của nó vẫn cần phải có sự đầu tư thời gian tìm hiểu, nghiên cứu mới có thể đưa ra lời giải đáp một cách thấu đáo.

### 1. Từ thực địa...

Thượng An là một làng được thành lập khá sớm, dưới thời Mạc (1527 - 1593), có tên là Thượng Lộ, thuộc huyện Đan Điền (nay là huyện Quảng Điền), phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá. Nhà sử học Dương Văn An, tác giả sách *Ô châu cận lục* cho biết, làng Thượng Lộ được lập trước năm 1555, là một trong 53 làng xã của huyện Đan Điền, phủ Triệu Phong thời bấy giờ<sup>1</sup>. Sau này, danh xưng Thượng Lộ được đổi thành Thượng An và tên gọi này tồn tại cho đến ngày nay. Cũng giống như nhiều làng cổ khác thuộc khu vực Trung Bộ, làng Thượng An giàu truyền thống văn hóa, đặc biệt, nơi đây còn lưu giữ khá nhiều công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng. Nằm trong hệ thống di tích đình làng, miếu mạo cổ kính, chùa làng Hội Thượng là một trong những thiết chế văn hóa cổ truyền còn giữ lại được nhiều chứng tích của lịch sử.



Vạc đồng chùa Hội Thượng - Ảnh: Tác giả

Thời điểm chính xác khởi dựng chùa Hội Thượng cho đến bây giờ vẫn chưa ai khẳng định được. Tuy nhiên, qua bức hoành phi còn bảo lưu tại chùa cho biết một thông tin là chùa Hội Thượng ra đời vào năm Nhâm Ngọ. Vì vậy, một giả thiết cho rằng chùa được các tộc trưởng của các họ trong làng xây dựng vào năm Nhâm Ngọ thời Lê Trung hưng (1593 - 1788), cùng thời điểm khởi dựng chùa Giác Lương ở làng Hiền Lương, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền<sup>2</sup>. Căn cứ vào minh văn chữ Hán khắc ở xà ngang của chùa cho biết, chùa đã từng được trùng tu lớn vào niên hiệu Thành Thái thứ 18, năm Bính Ngọ (1906) và sau này còn được sửa chữa, tôn tạo thêm nhiều hạng mục kiến trúc.

\* *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thừa Thiên Huế*

Về kiến trúc và lễ hội liên quan: Khuôn viên chùa hiện nay rộng khoảng 5000m<sup>2</sup>, chùa quay hướng Nam (phía dòng sông Bồ). Chùa Hội Thượng là một di tích kiến trúc nghệ thuật khá tiêu biểu ở Huế. Chùa xây dựng theo kiểu nhà rường ba gian hai chái, với dáng quy mô, mỹ thuật, các đồ án trang trí theo lối nghệ thuật đặc trưng thời Nguyễn. Nội thất chùa, từ bộ khung gỗ đến hệ thống liên ba, đồ bản, cửa bảng khoa đều trang trí, chạm nổi hình tứ linh, tứ thời và các kiểu hoa văn tinh xảo. Các đề tài trang trí trong kết cấu gỗ của chùa Hội Thượng với những nét sáng tạo, giàu tính nhân văn, nói lên nguyện vọng thiết tha của cư dân nông nghiệp cầu mưa thuận gió hòa, vật lực phồn thịnh, nước nhà yên ổn... Kiến trúc chùa là một nguồn sử liệu vật chất trực tiếp, một dấu ấn văn hóa sâu đậm góp phần đáng kể vào việc tìm hiểu kiến trúc gỗ truyền thống ở thế kỷ XIX.

Ngoài thờ Phật, chùa còn là nơi thờ tự, bảo quản hòm bộ của làng Thượng An (địa bộ, sắc phong, chúc văn...). Trong những ngày đại lễ của làng, đều không thể thiếu vắng nghi thức rằm rộ mà trang nghiêm: Lễ nghinh hòm bộ từ chùa về đình để tế thần, rồi đưa lại về chùa để thờ tự, bảo quản như cũ. Trải qua hơn 2 thế kỷ, nhân dân vẫn hương khói phụng thờ, cầu đảo linh ứng. Chùa Hội Thượng là một trong những ngôi chùa cổ, được khởi dựng ở vùng Thuận Hóa, dưới thời Lê Trung hưng, đánh dấu một giai đoạn phát triển rực rỡ về văn hóa và xã hội của dân tộc Việt trên con đường mở đất, mở nước về phương Nam (xứ Đàng Trong). Về mặt dã sử, theo lời kể của các vị cao niên trong làng, ngày xưa, vua Minh Mạng trong lúc vi hành thường ghé thăm chùa Hội Thượng để cầu đảo, thấy rất linh ứng.

Về chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng: Vạc đồng luôn được xem là một biểu tượng uy quyền của các bậc đế vương. Căn cứ vào từ điển *Từ hải*, các *Từ điển chữ Nôm*, *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ), có thể tạm phân biệt thành 2 loại: Đỉnh là loại có chân và vạc là loại không có chân. Với cách phân loại trên, ở Huế hiện nay vẫn còn đến 15 chiếc vạc đồng được đúc dưới thời Nguyễn. Theo sách *Lê quý kỷ sự* viết: "Vạc tượng trưng cho cơ nghiệp thiên tử"<sup>3</sup>. Bởi vậy, vua, chúa là những người duy nhất có quyền ra lệnh cho đúc những chiếc vạc đồng lớn nhằm thể hiện uy quyền của mình và triều đại đối với thần dân và xã tắc<sup>4</sup>.

Chiếc vạc đồng lưu giữ tại chùa Hội Thượng có đường kính miệng 93cm, cao 80cm; thuộc loại vạc 4 quai, nhưng 4 quai này lại được đặt thấp dưới

miệng vạc và được tạo hình kiểu đầu rồng, trông gần giống quai của loại vạc 8 quai thời chúa Nguyễn. Về hình dáng: Thân vạc để trơn, không trang trí, có kiểu gần như hình chum, trên to, dưới nhỏ chứ không tạo hình trụ thẳng đứng trên dưới bằng nhau như 10 chiếc vạc thời các chúa Nguyễn. Trên thân vạc khắc dòng lạc khoản "明命玖年造 (Minh Mạng cửu niên tạo)", xác định niên đại của chiếc vạc đồng được đúc vào năm Minh Mạng thứ 9 (1828). Như vậy, chiếc vạc này được đúc cùng năm với chiếc vạc đồng thứ 3 và thứ 4, đặt tại lăng vua Tự Đức. Cạnh trái khắc dòng "重叁百拾柒觔 - Trọng tam bách thập thất cân", trọng lượng của chiếc vạc là 317 cân (khoảng 200kg). Có thể thấy, trọng lượng của các vạc đồng đúc vào thời Minh Mạng kể trên có khác nhau, song, nhìn chung về hình thức và kích thước thì gần như tương tự. Chúng không ghi đơn vị chịu trách nhiệm đứng ra đúc như hai chiếc vạc khác tại lăng vua Tự Đức - đều có ghi rõ "Minh Mạng lục niên nhị nguyệt cát nhật Vô khổ phụng tạo" (Vô khổ phụng mệnh vua để đúc vào tháng Hai năm Minh Mạng thứ 6 - 1825).

### 2... đến tư liệu thư tịch

Theo lời kể của các vị cao niên của làng Thượng An, chiếc vạc đồng này đã được dân làng gìn giữ cẩn thận trong suốt gần 200 năm. Trước đây, do sợ bị thực dân Pháp trưng thu, nên các vị bô lão trong làng quyết định đào một cái hố gần chùa Hội Thượng, lót rơm lên, rồi huy động trai làng khuôn vạc đồng chôn giấu xuống. Qua nhiều đời sau, vị trí chôn giấu vạc dần bị lãng quên. Cùng với sự ra đi của những chứng nhân, số người biết được chuyện này thưa dần rồi mất hẳn, dẫn đến việc nảy sinh huyền thoại về chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng. Vào khoảng năm 1950, khi dân làng Thượng An tiến hành đào mương ở mảnh đất gần khuôn viên chùa Hội Thượng thì phát hiện chiếc vạc đồng này. Sau đó, dân làng quyết định khiêng chiếc vạc đồng lên và đặt nó vào vị trí trang trọng trong khuôn viên chùa Hội Thượng.

Trong quá trình điền dã kết hợp với việc sử dụng các tư liệu thành văn, chúng tôi tạm đưa ra giả thiết về nguồn gốc của chiếc vạc đồng tại chùa Hội Thượng như sau:

Giả thiết thứ nhất, do một cảnh huống lịch sử nào đó mà chiếc vạc đồng bị lưu lạc đến làng Thượng An và được nhân dân địa phương lưu giữ trong chùa làng. Dựa vào các tài liệu lịch sử vùng đất Cố đô Huế, chúng ta có thể nghi ngờ rằng, sự kiện

vào ngày 5/7/1885, khi quân Pháp đánh chiếm Kinh thành Huế. Giữa lúc vua Hàm Nghi và hoàng gia xuất bôn ra Quảng Trị, rồi ra Hà Tĩnh, thì quân Pháp đã tràn vào cướp bóc tất cả đồ đạc quý giá đang trưng bày và thờ tự trong các cung điện ở Đại Nội. Trong hoàn cảnh này, chiếc vạc đồng đã lưu lạc đến Thượng An và được người dân xem như báu vật của làng. Sau đó, chiếc vạc đồng được chuyển vào chùa Hội Thượng, vốn là nơi sinh hoạt tâm linh chung của cả cộng đồng.

Giả thiết thứ hai, chiếc vạc do triều đình vua Minh Mạng cho đúc và được đưa đến chùa Hội Thượng (làng Thượng An) có chủ đích. Bởi lẽ, trong lịch sử triều Nguyễn đã từng có sự kiện triều đình ban tặng chiếc đỉnh đồng lớn đúc thời Minh Mạng cho phủ Kiên Thái Vương vào năm 1888, dưới thời vua Đồng Khánh (1885 - 1889). Hiện nay, chiếc đỉnh đồng này vẫn được đặt trong phủ Kiên Thái Vương, còn gọi là Nội Từ (số 179 Phan Đình Phùng, thành phố Huế), ngay phía sau chiếc bình phong tiền của nhà thờ chính. Nhưng, chúng tôi băn khoăn rằng, vì sao bao nhiêu quốc tự, chùa sắc tứ, tổ đình tọa lạc ở gần Kinh thành Huế, như chùa Linh Mục, Thánh Duyên, Quốc Ân... không được vua ban tặng mà lại dành đặc ân cho một ngôi chùa xa xôi ở làng Thượng An.

Sau một quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, giả thiết thứ hai cũng có rất nhiều cơ sở thuyết phục. Theo lời kể của các vị trưởng thượng trong làng, trước đây chùa Hội Thượng là một nơi danh thắng đẹp, nổi tiếng là đảo vũ linh ứng, nên có lần vua Minh Mạng đã chọn ngày lành dịp đầu năm mới, cùng quần thần đến chùa lễ Phật, cầu cho dân chúng no ấm, đất nước thái bình. Hẳn nhiên, nếu sự kiện đó có thực, thì việc vua Minh Mạng ra lệnh cho đúc vạc đồng làm minh khí thiết trí trong chùa, để vừa bày tỏ lòng tôn kính Phật pháp, vừa thể hiện quyền năng của vương triều là điều có thể xảy ra.

Hơn nữa, theo điều tra khảo sát, chúng tôi phát hiện tại hậu điện chùa Hội Thượng vẫn còn thờ bài vị của một nhân vật được xem là *vị quan chủ quản công việc đúc đồng phục vụ sinh hoạt và lễ nghi hoàng gia triều Nguyễn*. Bài vị ghi rõ: “武库僉事弘德侯陳公府君神位 - Võ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần quý công phủ quân thân vị” (*Bài vị của ngài họ Trần, chức quan Võ khố Thiêm sự, tước Hoàng Đức hầu*). Từ xưa đến nay, bất kỳ một nhân vật nào đã được cả cộng đồng làng xã tôn vinh, thờ cúng thì chắc chắn đã có công lao to lớn với cộng đồng

ấy. Có thể là công lao khai canh, khai khẩn, dạy dân nghề nghiệp mưu sinh, hoặc đơn giản là có công đúc xây dựng các công trình công cộng hoặc công trình tôn giáo, tín ngưỡng cho cả cộng đồng... Dẫu hiện nay, chúng tôi chưa tìm thấy những thư tịch cổ ghi chép về mối quan hệ của ngài Võ khố Thiêm sự với dân làng Thượng An, song, có một điều chúng tôi có thể đưa ra giả định rằng, nhân vật này đã có công giúp chùa Hội Thượng tu bổ, sửa chữa và đúc một số minh khí quý bằng đồng.

Hiện tại, ngoài chiếc vạc đồng, chùa Hội Thượng vẫn còn lưu giữ một chiếc đại hồng chung có thân cao 0,8m, quai chuông cao 0,2m. Chu vi giữa thân chuông là 1,33m, gần miệng chuông là 1,64m. Căn cứ vào minh văn khắc chữ Hán trên thân chuông, chúng tôi biết được quả đại hồng chung chùa Hội Thượng do một vị Võ khố Thiêm sự tên là Trần Văn Hoàng, tước Hoàng Đức hầu đứng ra làm hội chủ vận động tiền tài của thập phương thiện tín để chú tạo (đúc) vào mùa thu năm Bính Tuất, niên hiệu Minh Mạng năm thứ 7 (1826). Nguyên văn văn tự khắc trên thân chuông mà chúng tôi đã ghi lại được: “明命柒年歲次丙戌仲穀日造.重貳百貳拾觔.會主武库僉事弘德侯陳文弘 - Minh Mạng thất niên tuế thứ Bính Tuất trọng thu cốc nhật tạo, trọng nhị bách nhị thập cân, hội chủ Võ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần Văn Hoàng” (Chuông đúc vào mùa thu năm Bính Tuất đời vua Minh Mạng năm thứ 7 (1826), trọng lượng 220 cân, hội chủ là Trần Văn Hoàng, chức Võ khố Thiêm sự, tước Hoàng Đức hầu).

Qua nội dung minh văn quý giá chạm khắc trên thân chuông chùa, chúng ta nhận thấy một điều rằng: Ngài Trần Văn Hoàng là vị quan lớn quyền mộ đạo Phật, có tiền của nên đã có nhiều đóng góp tu bổ chùa, vận động quyên góp tiền của đúc đại hồng chung cho chùa Hội Thượng. Ngài được chùa Hội Thượng thờ tự và khắc danh tính vào hồng chung của chùa.

Lần theo chính sử, chúng tôi tiếp tục phát hiện sách *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn có ghi chép một số sự kiện lịch sử liên quan đến danh tính vị Võ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần Văn Hoàng. Những sự kiện ấy gợi mở cho chúng ta một suy đoán, chính nhờ vào tước vị và quyền hành của mình, Võ khố Thiêm sự Hoàng Đức hầu Trần Văn Hoàng đã có sự tác động ít nhiều của triều đình vua Minh Mạng trong việc đúc vạc đồng để ban tặng cho chùa Hội Thượng.



Con đường quan lộ của Trần Văn Hoàng thăng tiến dần theo sự nỗ lực của bản thân ông qua từng nhiệm vụ được giao. Năm Gia Long thứ 15 (1816), ông được cử làm Cai bạ Nhà đò Bắc Thành. Một thời gian sau, ông được thăng dần lên chức Lang trung Vũ khố. Năm Minh Mạng thứ 5 (1824), ông được cử trông coi việc ở Tào tác cục. Năm Minh Mạng thứ 6 (1825), ông được thăng chức Thiêm sự Võ khố, cơ quan cất giữ, bảo quản các loại vũ khí, thiết bị của quân đội, với nhiều kho tàng lớn nằm bên trong kinh thành Huế. Năm Minh Mạng thứ 7 (1826), Trần Văn Hoàng giữ chức Hộ lý ấn quan phòng Võ khố có thể là thời điểm ông đã đứng ra vận động đúc đại hồng chung cho chùa Hội Thượng. Năm 1827, Trần Văn Hoàng được ban thưởng vì đã có công trong việc trông coi đúc kim bảo, ngọc tỷ - được xem là vật thể hiện quyền lực cao nhất của nhà vua. Sách *Đại Nam thực lục* do Quốc sử quán triều Nguyễn soạn, có đoạn chép khá rõ: “Bắt đầu đúc ấn “Hoàng đế tôn thân” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 6 ly), ấn “Sắc mệnh chi bảo” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 2 ly), đều nóm hình rồng cuốn, ấn “Khâm văn chi tỷ”, ấn “Duệ võ chi tỷ” (đều vuông 2 tắc 7 phân, dày 3 phân 2 ly). Đúc lại ấn “Trị lịch minh thời” (vuông 2 tắc 8 phân, dày 3 phân 2 ly), đều nóm hình rồng ngồi. Dùng vàng mười mà đúc. Sai Bộ Lễ phối hợp với Nội vụ và Vũ khố coi việc đúc ấn. Đúc xong, buộc ấn bằng giầy tơ vàng, thưởng cho thợ đúc 30 lạng bạc; bọn chuyên biện là giám lâm Vũ khố Trần Văn Hoàng, Nguyễn Đăng Uẩn đều được thưởng một thứ kỷ lục<sup>5</sup>. Năm Minh Mạng thứ 9 (1828), ông được điều chuyển sang làm Lang trung Nội vụ phủ. Đây là cơ quan quản lý việc chế tác và cất giữ những bảo vật, vật dụng của hoàng cung triều Nguyễn. Liên hệ đến chiếc vạc đồng chùa Hội Thượng, chúng ta có thể đưa ra giả định, vào thời gian này, ông đã có những tác động đáng kể đến sự ra đời của chiếc vạc đồng cho chùa Hội Thượng. Đọc tiếp sách *Đại Nam thực lục*, chúng ta được biết đến năm Minh Mạng thứ 10 (1829), ông được vinh thăng Thị lang Nội vụ phủ<sup>6</sup>, mang hàm Chánh tam phẩm văn ban, đứng đầu quản lý Nội vụ phủ. Nhưng, sau đó không lâu, do quản lý thuộc hạ phụ trách cất giữ gương đồng ở kho Phủ Nội vụ không tốt, dẫn đến sự cố có nhiều vết mờ trên gương đồng của vua Minh Mạng mua từ nước Pháp, ông bị Bộ Hình xử tội đồ<sup>7</sup>. Vụ án tâu lên, vua Minh Mạng gia ân đổi làm cách chức, phát vãng làm binh ở cơ

Định Man, đạo Cam Lộ<sup>8</sup>. Sự nghiệp quan trường của Trần Văn Hoàng chấm dứt từ đây.

Như vậy, chức tước của ngài Trần Văn Hoàng được ghi trên bài vị và văn khắc chuông chùa trùng khớp với các sự kiện lịch sử mô tả rõ ràng trong chính sử. Sau khi ông mất, làng Hội Thượng đã quyết định thờ linh vị ông một cách trang trọng phía sau hậu điện của ngôi chùa.

Vạc đồng tại chùa Hội Thượng là một cổ vật quý cần được bảo vệ và phát huy giá trị. Tính cả chiếc vạc đồng này, tại đất Cố đô Huế hiện nay còn lưu giữ được tổng cộng 16 chiếc. Đó đều là bảo vật của Huế, là những tuyệt tác, thể hiện kỹ xảo của người thợ đúc đồng xứ Huế./.

T.V.D

#### **Chú thích:**

1- Vô danh thị (1961), *Ô châu cận lục*, Dương Văn An nhuận sắc & tập thành, Bùi Lương dịch, Văn hóa Á châu xuất bản.

2- Ủy ban nhân dân huyện Phong Điền (2005), *Địa chí huyện Phong Điền*, Nxb. Chính trị Quốc gia, tr. 538.

3- Nguyễn Thu (1974), *Lê quý kỷ sự*, bản chép tay, bản dịch của Nxb. Khoa học xã hội, H.

4- Được biết bộ sưu tập vạc đồng của Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện còn lưu giữ và trưng bày 15 chiếc vạc do các chúa Nguyễn và về sau là vua Minh Mạng cho đúc. Trong số đó, 11 chiếc được đúc vào thế kỷ XVII, từ năm (1631 - 1684) (thời chúa Nguyễn Phước Nguyên (1613 - 1635), Nguyễn Phước Lan (1635-1648) và Nguyễn Phước Tần (1648 - 1687) và 4 chiếc vạc đồng được đúc vào thời Minh Mạng (1820 - 1840). Hiện nay, 11 chiếc vạc đồng thời chúa Nguyễn đều đang được đặt tại các di tích của triều Nguyễn: 7 chiếc vạc đồng bên trong Đại nội, 3 chiếc vạc đồng đặt trước Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế và 1 chiếc đặt tại lăng vua Đồng Khánh. 4 chiếc vạc thời Minh Mạng đang được đặt phía trước điện Hòa Khiêm, trong khu vực lăng vua Tự Đức, gồm: chiếc thứ 1 được đúc vào năm 1825, nặng 430 cân; chiếc thứ 2 cũng được đúc cùng năm với chiếc thứ 1, nặng 435 cân; chiếc thứ 3 được đúc vào năm 1828, nặng 352 cân; chiếc thứ 4 được đúc cùng năm với chiếc thứ 3, nặng 399 cân (Theo Phan Thanh Hải “Những cổ vật bằng đồng của Huế trước thời kỳ Phú Xuân”, *Tạp chí Sông Hương*, số 220, 2007).

5- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, H, tr. 820.

6- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, H, tr. 826.

7- Tội đồ là tội bắt làm nô lệ cho biết nhục, kéo dài từ 1 đến 3 năm, chia làm 5 bậc, bậc thấp nhất là bị bắt làm nô lệ một năm và bị đánh 60 trượng, bậc cao nhất phải chịu mức án đồ 3 năm, phạt 100 trượng.

8- Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Nxb. Giáo dục, H, tr. 871.